TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 12 - 2019
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng

Ông Nguyễn An Toại

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Võ Quốc Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 149/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Yến L, sinh năm 1998

Địa chỉ: Xã T, huyện L, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Lee Jung W, sinh năm 1973

Địa chỉ: Hàn Quốc.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/02/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Yến L trình bày và yêu cầu:

Vào năm 2018, bà và ông Lee Jung W tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Thới Lai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 115/2018 ngày 27/8/2018. Sau khi kết hôn thì bị đơn về Hàn Quốc, do bất đồng về ngôn ngữ, không có tình cảm với nhau nên cả hai đều không còn liên lạc với nhau. Nay bà nhận thấy không có tình cảm gì với ông Lee Jung W nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lee Jung W. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu

cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lee Jung W đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn trong vụ kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền và xác định quan hệ pháp luật, Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ở nước ngoài bằng cả hai cách theo quy định, nhưng do phía bị đơn không hợp tác nên tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyên tiến tới hôn nhân và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, giữa nguyên đơn và bị đơn sau khi kết hôn lại không có thời gian dài chung sống với nhau, bị đơn thì về Hàn Quốc còn nguyên đơn ở lại Việt Nam. Hai người ở hai quốc gia khác nhau và đã không còn liên lạc với nhau. Nhận thấy hôn nhân đã không còn tồn tại trên thực tế mà chỉ tồn tại về mặt pháp lý, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có và không yêu cầu giải quyết các mối quan hệ này nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Yến L đối với ông Lee Jung W.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Yến L và ông Lee Jung W quen biết nhau và tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện Thới Lai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 115/2018 ngày 27/8/2018. Do đó hôn nhân giữa bà Lê Thị Yến L và ông Lee Jung W là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ khi có yêu cầu của đương sự. Do ông Lee Jung W có quốc tịch Hàn Quốc nên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý và giải quyết phù hợp với quy định tại Điều 28 và Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã thực hiện các thủ tục tống đạt qua các kênh dành cho đương sự ở nước ngoài theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể, Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Lee Jung W theo Công văn số 205/TATPCT-HN ngày 10/4/2019. Đồng thời, Tòa án cũng đã tiến hành đăng tin thông báo thời gian xét xử cho ông Lee Jung W trên Ban đối ngoại Quốc gia. Tuy nhiên, ông Lee Jung W không có mặt để tham gia phiên tòa. Về phía nguyên đơn thì đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Lê Thị Yến L và ông Lee Jung W có đăng ký kết hôn và có tổ chức lễ cưới tại Việt Nam. Tuy nhiên, do bất đồng ngôn ngữ và sau khi kết hôn bị đơn đã trở về Hàn Quốc từ đó về sau không liên

lạc với bà Linh. Bà Linh đã nhiều lần tìm cách để liên hệ với bị đơn nhưng không được. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Lê Thị Yến L và ông Lee Jung W thời gian kết hôn quá ngắn, không có điều kiện vun đắp tình cảm. Hai người sống ở hai quốc gia khác nhau và hiện nay đã cắt đứt liên lạc. Hiện tại ông, bà cũng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân của ông bà đã không còn hạnh phúc. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Yến L là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Xét về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có con chung, tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết, đồng thời bị đơn không có ý kiến gì về các mối quan hệ này nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các mối quan hệ này thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định chung.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[5] Về chi phí tố tụng: Bà Linh phải chịu chi phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng và chi phí đăng tin thông báo trên Ban đối ngoại Quốc gia là 2.000.000 đồng.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát như đã nêu là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được xem xét, chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 6 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 121, khoản 2 Điều 123 và khoản 1 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Yến L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Yến L được ly hôn với ông Lee Jung W.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các mối quan hệ này thì đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định chung.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Yến L phải chịu án phí là 300.000 đồng. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 001462 ngày 01/3/2019 do Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ đã thu sang thành án phí.

4. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Lê Thị Yến L phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp theo biên lai thu số 0003861 ngày 08/4/2019 do Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ đã thu. Công nhận bà L đã nộp xong.

5. Bà Lê Thị Yến L phải chịu chi phí đăng tin thông báo cho bị đơn trên Ban Đối ngoại Quốc gia (VOV5) số tiền là 2.000.000 đồng, bà L đã nộp xong.

Án xử công khai sơ thẩm, bà Lê Thị Yến L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; ông Lee Jung W có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ; để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo luật định.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- Cục THADS TPCT;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Bình